

Bản án số: 181/2018/DS-ST

Ngày: 09 - 5 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Sáu;

Bà Đào Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐHPT- ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN TV; Địa chỉ trụ sở: Số đường LH, phường LH, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng , số đường T Đ T, phường BN, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tầng , số đường P X L, Phường , quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5191/2017/UQ-VPB ngày 14/11/2017, thay thế văn bản ủy quyền số 3012/2017/UQ-VPB ngày 22/7/2017) (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quang Tuấn D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số đường Q Tr, Phường , quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV – ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngân hàng TMCP VN TV (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Quang Tuấn D vay tiền với hình thức tín chấp, theo phương thức vay trả góp, mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng (sau đây được viết tắt là Hợp đồng), cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 ông D vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 30%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Trong đó trả gốc và lãi làm 36 kỳ, mỗi tháng trả số tiền 560.000 đồng tiền nợ gốc, tháng cuối cùng trả 400.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 27/6/2014. Đối với Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-487752 ngày 04/6/2014, kèm theo biên bản sử dụng mở và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông D với tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng do ngân hàng quy định từng thời kỳ. Ngân hàng xác nhận giao dịch theo Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp nêu trên là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân ông D. Vì vậy Ngân hàng chỉ khởi kiện ông D và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với cá nhân nào khác trong vụ kiện này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 ông D đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.083.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 560.000 đồng và tiền lãi là 523.000 đồng, từ ngày 03/7/2014 cho đến nay ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 ông D không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ gốc và lãi lần nào. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, cũng như có thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 22/7/2017 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và yêu cầu ông D thanh toán nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng tính đến ngày 22/7/2017 tổng cộng là 101.991.318 đồng. Trong đó nợ gốc của Hợp đồng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 là 19.440.000 đồng và nợ lãi là 31.540.640 đồng; nợ của Hợp đồng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 là 51.010.678 đồng. Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc phát sinh của hai Hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng kể từ ngày 23/7/2017 cho đến khi ông D trả xong khoản nợ gốc, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Quang Tuấn D đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 09/5/2018 là 108.565.069 đồng, bao gồm: Số tiền nợ của Hợp đồng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 là: 54.198.361 đồng (trong đó nợ gốc là 19.440.000 đồng; lãi trong hạn là 23.725.685 đồng và lãi quá hạn 11.555.676 đồng, đã trả tiền lãi được 523.000 đồng) và số tiền nợ của Hợp đồng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 là 54.366.708 đồng (trong đó nợ gốc là 18.992.294 đồng, lãi trong hạn là 23.582.942 đồng và lãi quá hạn là 11.791.472 đồng). Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc phát sinh của hai Hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận tại hai Hợp đồng kể từ ngày 10/5/2018 cho đến khi ông D trả xong khoản nợ gốc, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Quang Tuấn D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng tính đến ngày 09/5/2018 là 108.565.069 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 38.432.294 đồng; lãi trong hạn là 47.308.627 đồng và lãi quá hạn là 23.347.147 đồng, đã trả lãi số tiền là 523.000 đồng) cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng của 02 hợp đồng nêu trên là có cơ sở pháp luật, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Lê Quang Tuấn D có vay tiền qua việc ký hợp hai Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 và Hợp đồng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 với Ngân hàng TMCP VN TV, do đó có cơ sở xác định giữa ông D và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông D cư trú tại địa chỉ: Số 107/72 đường QT, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông D. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông D trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông D là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV là Nguyễn Văn T có mặt. Bị đơn ông Lê Quang Tuấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV buộc bị đơn ông D trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng nợ gốc và lãi là 54.198.361 đồng của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL và hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-487752 số tiền tổng cộng nợ gốc và lãi là 54.366.708 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng TMCP VN TV và bị đơn ông Lê Quang Tuấn D có giao kết hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL với nội dung như sau: số tiền vay 20.000.000 đồng, theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông D có trách nhiệm trả gốc và lãi làm 36 kỳ, mỗi tháng trả số tiền 560.000 đồng tiền nợ gốc và tháng cuối cùng trả 400.000 đồng, trả vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 27/6/2014, lãi suất là 30%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Phương thức cho vay trả góp (phương thức thanh toán khoản nợ vay theo kỳ trả nợ được thể hiện chi tiết trong lịch trả nợ); Mục đích vay: tiêu dùng. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay ông D chỉ thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 1.083.000 đồng. Từ ngày 03/7/2017 đến nay ông D không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-487752 thì giữa Ngân hàng và bị đơn ông D có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/6/2014 và bị đơn đồng ý cho nguyên đơn ghi nợ tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP VN TV để thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng. Ông D sử dụng thẻ đến tháng 12/2014 nhưng không thanh toán tiền cho Ngân hàng như cam kết theo hợp đồng. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông D trả nợ là có căn cứ.

[3]. Về tiền lãi:

Theo hai hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL và hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-487752 thỏa thuận ông D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính theo lãi suất thỏa thuận trong hai hợp đồng là 30%/năm mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng quy định từng thời kỳ, tiền lãi theo 02 hợp đồng cụ thể gồm: Lãi trong hạn là 23.725.685 đồng, lãi quá hạn 11.555.676 đồng trong đó ông D đã trả được tiền lãi là 523.000 đồng (đối với hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL) và lãi trong hạn là 23.582.942 đồng, lãi quá hạn 11.791.472 đồng (đối với hợp đồng của thẻ tín dụng số 325-P-487752), đính kèm bảng chiết tính lãi của ngân hàng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất*”.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông D phải thanh toán tổng cộng số tiền là 108.565.069 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 38.432.294 đồng và lãi trong hạn là 47.308.627 đồng và lãi quá hạn là 23.347.148 đồng, đã trả được tiền lãi là 523.000 đồng). Ngoài ra kể từ ngày 10/5/2018 ông D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCP VN TV được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.428.253 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 2.549.783 đồng cho Ngân hàng TMCP VN TV theo biên lai thu số 0027561 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV.

- Buộc ông Lê Quang Tuấn D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP VN TV số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/5/2018 tổng cộng là 108.565.069 đồng (một trăm lẻ tám triệu năm trăm sáu trăm năm mươi chín đồng) theo hai Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 và hợp đồng thế tín dụng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014; trong đó nợ gốc là 38.432.294 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng) và lãi trong hạn là 47.308.627 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm lẻ tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 23.347.148 (hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi đã trả được là 523.000 đồng. Ngoài ra kể từ ngày 10/5/2018 ông D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3239/HDTD/UPL ngày 27/5/2014 và hợp đồng thế tín dụng số 325-P-487752 ngày 04/6/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Quang Tuấn D phải chịu án phí là 5.428.253 đồng (năm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn hai trăm năm ba đồng).

Ngân hàng TMCP VN TV được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.549.783 đồng (hai triệu năm trăm bốn chín ngàn bảy trăm tám ba đồng) theo biên lai thu số 0027561 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Quang Tuấn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Chinh